

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn và về  
nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Út;
2. Ông Trần Văn Đá.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Hắc S, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Trong đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 và tại biên bản hòa giải ngày 04/01/2021 nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:***

Anh M và chị S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 04/01/2013. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 08/9/2010. Từ năm 2015, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và không hàn gắn

được.

Nay anh M yêu cầu ly hôn với chị S, đồng ý giao con chung cho chị S nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh không có nhận của chị S 04 chỉ vàng 24k nên không đồng ý trả theo yêu cầu của chị S.

*- Bị đơn chị Trần Thị Hắc S trình bày:*

Chị S thống nhất với lời trình bày của anh M về quan hệ hôn nhân và con chung. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc.

Nay tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên chị đồng ý ly hôn và trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu K, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Ngoài ra, năm 2016 chị có đưa cho anh M 04 chỉ vàng 24k để đóng tiền hui, việc đưa vàng không làm giấy tờ, không ai chứng kiến vì vợ chồng, nay chị không yêu cầu anh M trả lại 04 chỉ vàng 24k nêu trên do anh M không thừa nhận.

*- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh M và chị S được ly hôn; ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, về con chung giao cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn K đến khi con đủ 18 tuổi; buộc anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định; tài sản và nợ chung do không có yêu cầu, không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Hắc S và giải quyết quyền nuôi con chung. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh M có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/01/2021 căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 04/01/2013 anh M và chị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T,

huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Lời trình bày của các đương sự thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, luôn bất đồng ý kiến, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Anh M khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa chị S đồng ý ly hôn với anh M. Do đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và các đương sự tự nguyện ly hôn với nhau, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh M và chị S được ly hôn với nhau.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung tên nguyên Văn K, sinh ngày 08/9/2010, hiện con sống chung với chị S. Anh M đồng ý giao cho chị S nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị S đồng ý nuôi dưỡng cháu K đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, còn anh M có ý kiến không cấp dưỡng, xét yêu cầu của chị S là phù hợp bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên, căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nên buộc anh M cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi phù hợp quy định của pháp luật. Còn anh M không đồng ý cấp dưỡng là không có căn cứ. Thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị S thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh M xin ly hôn nên chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Trần Thị Hắc S.

2) Về quyền nuôi con: Chị Trần Thị Hắc S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn K , sinh ngày 08/9/2010 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Văn K mỗi tháng cấp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Trần Thị Hắc S thống nhất trình bày không có, nên không xem xét.

4) Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003334 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, anh M còn phải nộp án phí 300.000 đồng. Chị Trần Thị Hắc S không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn M vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND xã Vĩnh T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Nam**